

Bản án số: **11/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 02 - 06 - 2020

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đinh Thu N**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Nguyễn Tùng N**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thu N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào tháng 3 năm 1993 trên tinh thần tự nguyện và không có đăng ký kết hôn do tại thời điểm này anh N

không có giấy Chứng minh nhân dân. Quá trình sống chung có hạnh phúc chỉ được 03 tháng đầu, đến tháng 7/1993 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi nhau, anh N quá khó khăn nên chị sống không nổi dù chị đang mang bầu nhưng vợ chồng vẫn chia tay và ly thân từ tháng 7 năm 1993 cho đến nay, từ khi ly thân chị về nhà cha mẹ ruột ở Thạnh Phước sống. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh và chị có 01 con chung tên Nguyễn Tùng D, sinh ngày 11/3/1994, hiện cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Nguyễn Tùng N là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và **căn cứ** vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

* Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tùng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần** thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N khai sống chung như vợ chồng với anh N từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn; anh N vắng mặt nên không có lời khai.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 19/11/2019 gửi Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước và đơn xin xác nhận đề ngày 22/11/2019 gửi Ủy ban nhân dân Thị trấn Bình Đại về việc đăng ký kết hôn, đều được cả 02 Ủy ban xác nhận: Qua trích lục sổ bộ lưu đăng ký kết hôn thì không có tên chị N và anh N trong sổ bộ lưu kết hôn. Do đó lời khai của chị N là có căn cứ.

Từ những cơ sở nêu trên, xác định được chị N và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, đối với anh N trước khi kết hôn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Bình Đại, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thạnh Phước

nhưng anh và chị đều không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Thị trấn Bình Đại và Ủy ban xã Thạnh Phước và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa chị N và anh N là vợ chồng.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị N khai quá trình sống chung giữa chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Tùng D, sinh ngày 11/3/1994, hiện cháu đã thành niên và có khả năng lao động, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung*: Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thu N và anh Nguyễn Tùng N.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tùng D, sinh ngày 11/3/1994, hiện cháu đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Đinh Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008048 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Đinh Thu N đã nộp đủ án phí.

Chị Đinh Thu N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Tùng N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thạnh Phước;
- UBND Thị trấn Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên